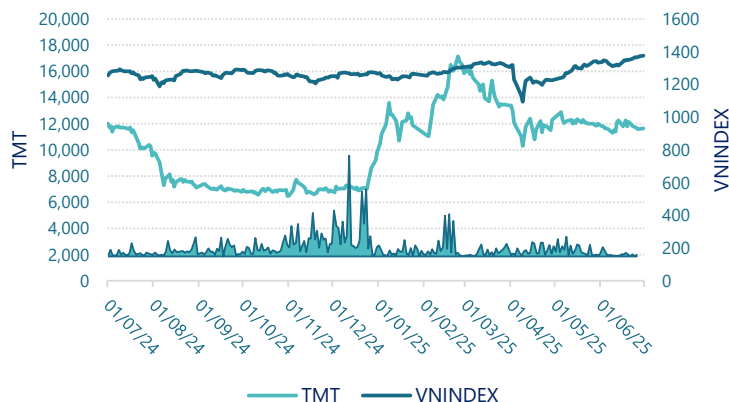


CTCP Ô tô TMT (HSX: TMT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,150
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,470
SL cổ phiếu LH	36,877,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,505
% sở hữu nước ngoài	2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	430
P/E	-2.7
EPS	-4,381

DT thuần

Q2/25

558

tỷ VNĐ

QoQ: ▼118 | -17.5%

YoY: ▼249 | -30.9%

LN sau thuế

Q2/25

21.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.6 | -37.4%

YoY: ▲ 120 | 121%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.0%

+/- YoY: ▲ 14.8%

DT thuần

6T 2025

1,233

tỷ VNĐ

YoY: ▼90.0 | -6.8%

LN sau thuế

6T 2025

54.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 154 | 156%

ROE

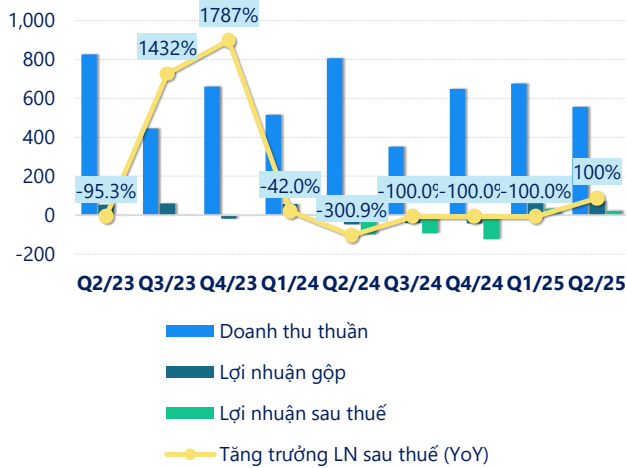
Q2/25

-63.9%

+/- YoY: ▼ 38.4%

tỷ VNĐ

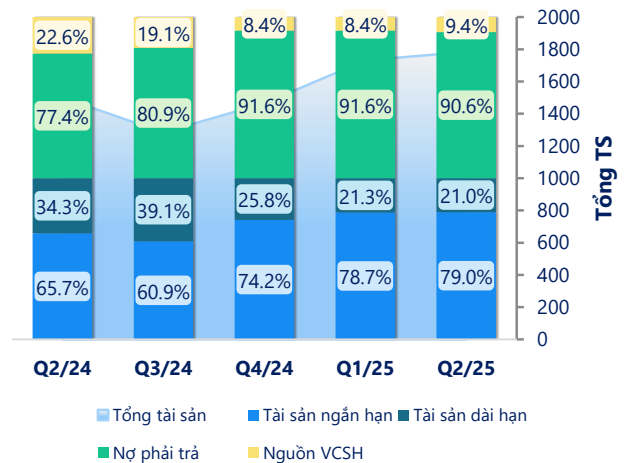
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

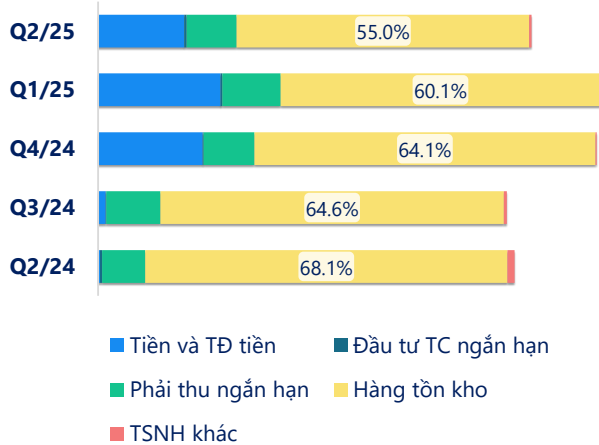
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



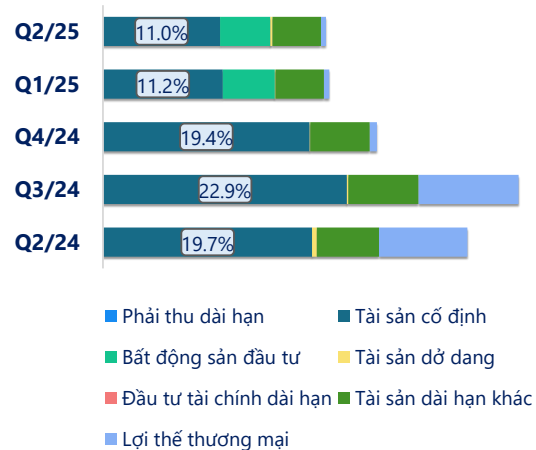
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

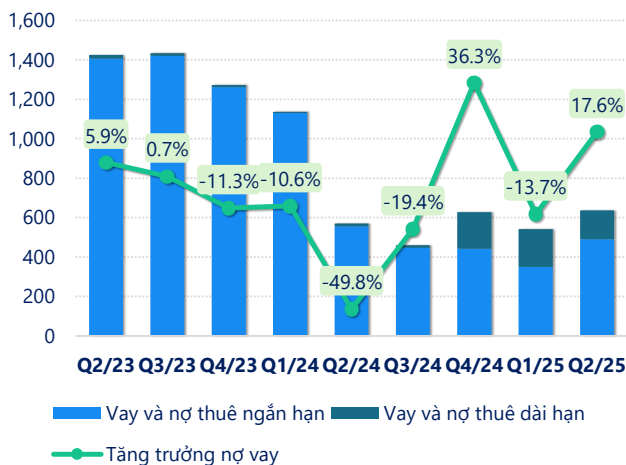
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

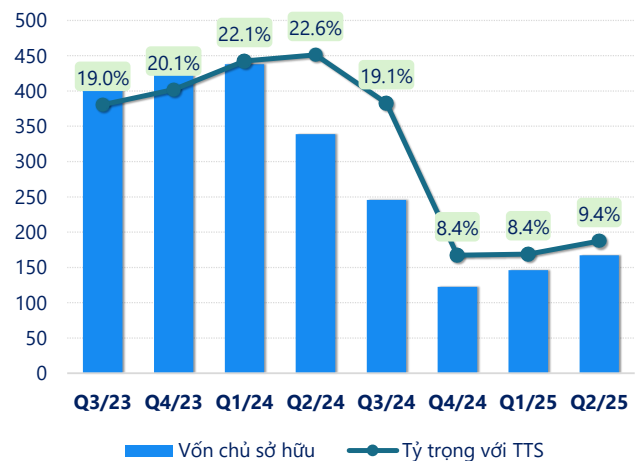
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

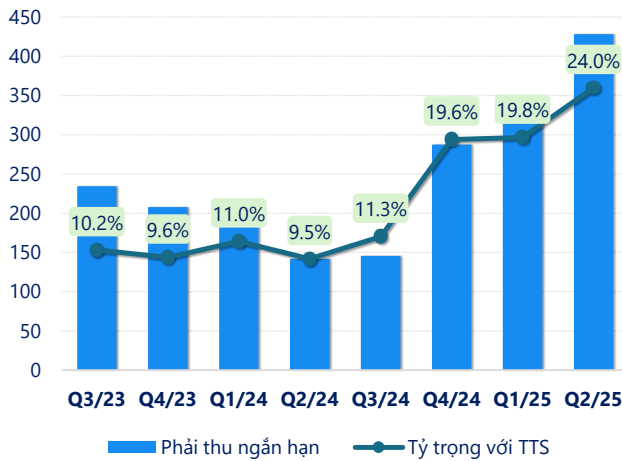
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



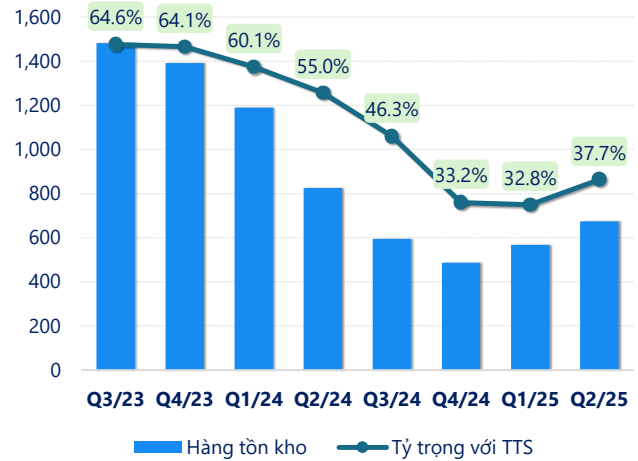
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


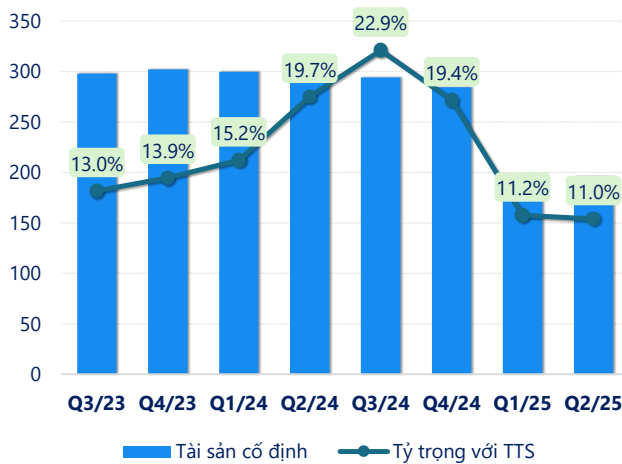
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


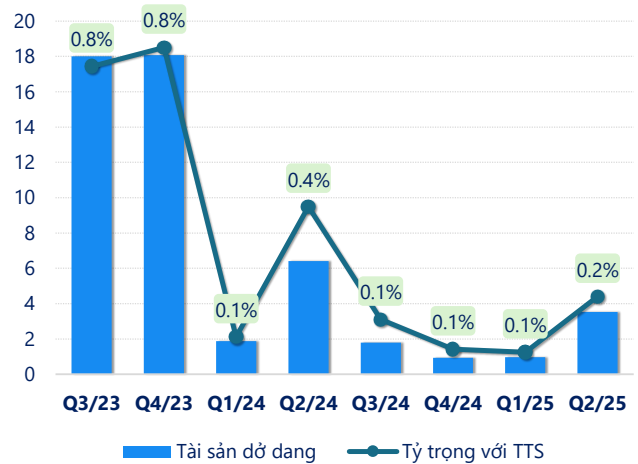
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

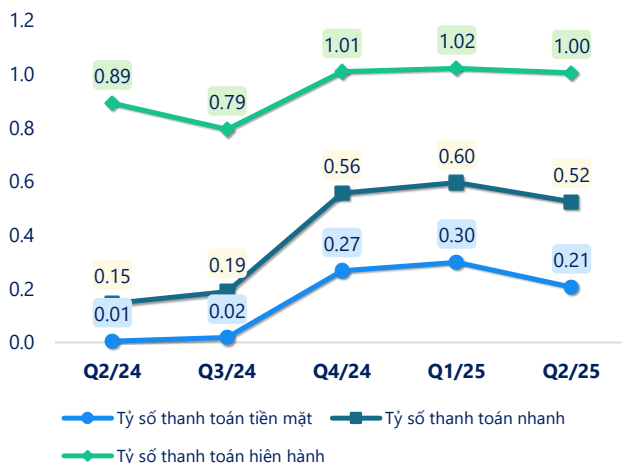
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

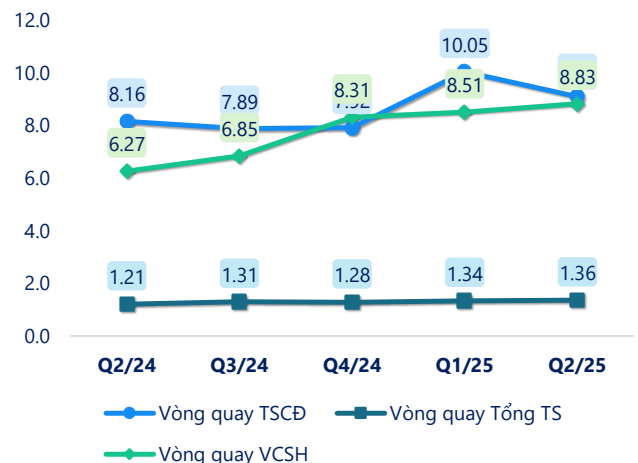
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,501	1,284	1,466	1,731	1,784
Tài sản ngắn hạn	987	782	1,088	1,363	1,410
Tiền và tương đương tiền	5.73	18.2	288	398	289
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.47	13.6	14.2	39.0	0.00
Phải thu ngắn hạn	142	146	287	342	428
Hàng tồn kho	825	595	487	568	673
Tài sản ngắn hạn khác	7.09	9.57	11.4	15.5	19.6
Tài sản dài hạn	514	502	378	368	374
Phải thu dài hạn	0.26	0.26	0.26	0.11	0.11
Tài sản cố định	295	294	285	195	196
Bất động sản đầu tư	0	0	0	85.0	84.6
Tài sản dở dang	6.42	1.79	0.93	0.97	3.53
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	88.0	84.7	81.9	78.9	81.4
Lợi thế thương mại	125	121	10.1	8.63	8.25
Nợ phải trả	1,162	1,038	1,343	1,585	1,617
Nợ ngắn hạn	1,107	984	1,079	1,334	1,403
Vay và nợ thuê ngắn hạn	556	447	442	350	490
Phải trả người bán ngắn hạn	73.7	133	310	670	795
Nợ dài hạn	54.9	53.6	265	251	213
Vay và nợ thuê dài hạn	14.9	13.7	186	191	147
Nguồn vốn chủ sở hữu	339	246	123	146	167
Vốn chủ sở hữu	339	246	123	146	167
Vốn điều lệ	373	373	373	373	373
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)